# CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

FireAnt

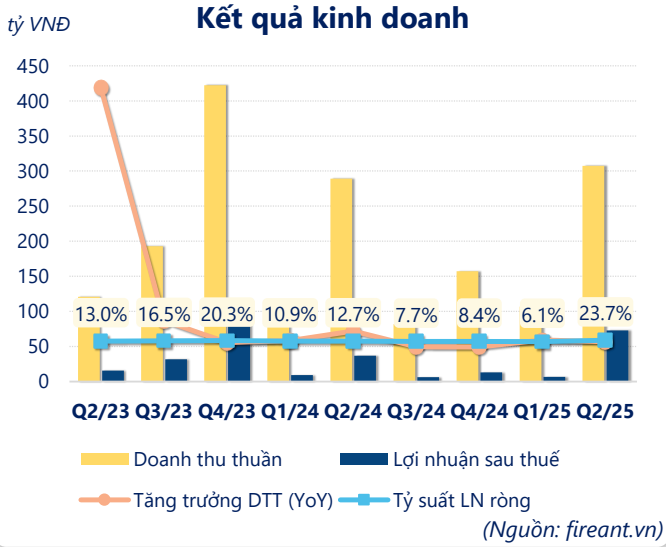
| Ngày 30/06/2025 | 28,200 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| Thay đổi | 11.2% | 12.8% | 10.4% |

**ROE** Q2/25: 6.9% (+/- YoY ▼ 5.7%)

| | Q2/25 | QoQ | YoY |
|---|---|---|---|
| DT thuần | 308 tỷ VNĐ | ▲ 201 ▲ 187% | ▲ 19.0 ▲ 6.4% |
| LN gộp | 116 tỷ VNĐ | ▲ 97.3 ▲ 518% | ▲ 29.5 ▲ 33.6% |
| LN thuần | 91.5 tỷ VNĐ | ▲ 80.9 ▲ 764% | ▲ 23.0 ▲ 33.6% |
| LN sau thuế | 72.8 tỷ VNĐ | ▲ 66.3 ▲ 1013% | ▲ 36.0 ▲ 97.8% |

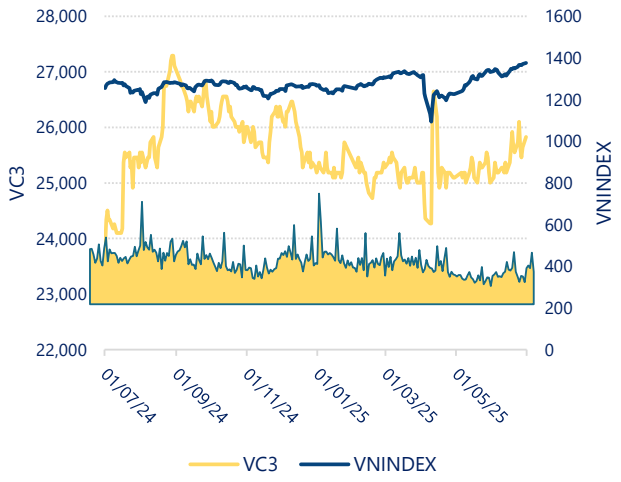
| | 6T 2025 | YoY |
|---|---|---|
| DT thuần | 414 tỷ VNĐ | ▲ 42.0 ▲ 11.3% |
| LN gộp | 134 tỷ VNĐ | ▲ 21.0 ▲ 18.6% |
| LN thuần | 102 tỷ VNĐ | ▲ 19.6 ▲ 24.1% |
| LN sau thuế | 79.3 tỷ VNĐ | ▲ 33.4 ▲ 72.6% |

## Kết quả kinh doanh




(Nguồn: fireant.vn)

## Lịch sử giá

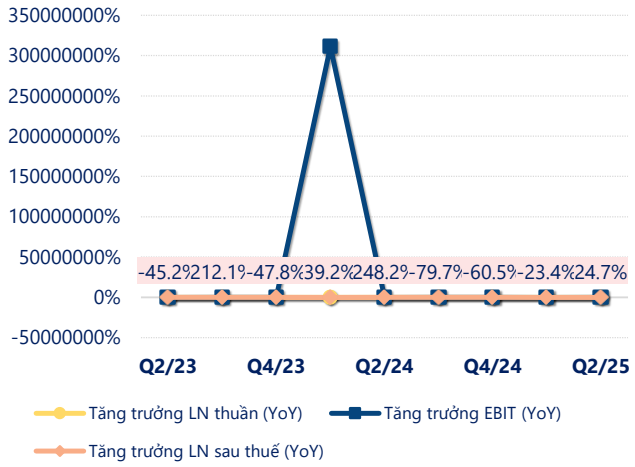



Powered by Infographic
https://fireant.vn/

# CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

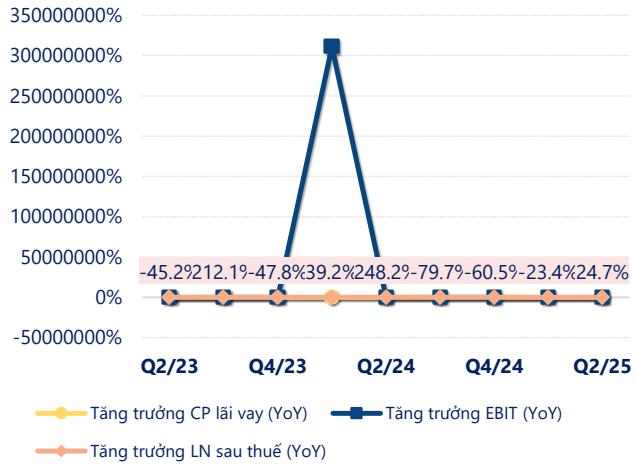
FireAnt

## Tăng trưởng lợi nhuận



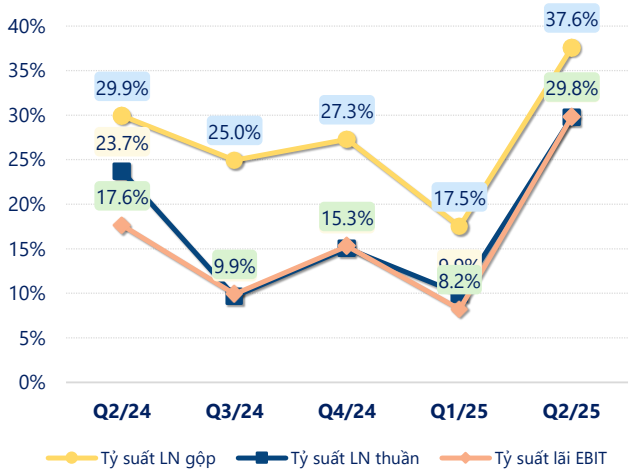

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tăng trưởng chi phí



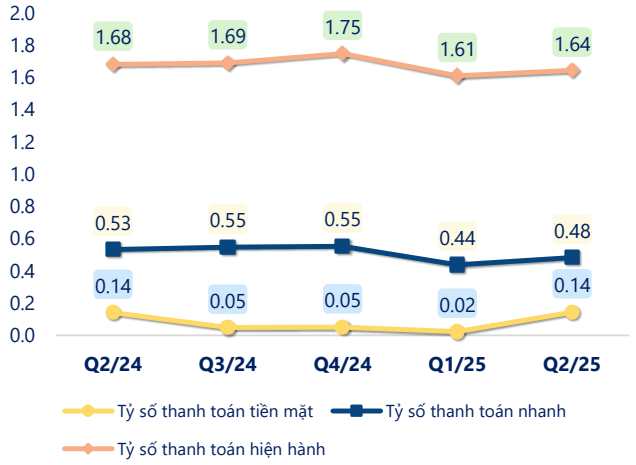

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



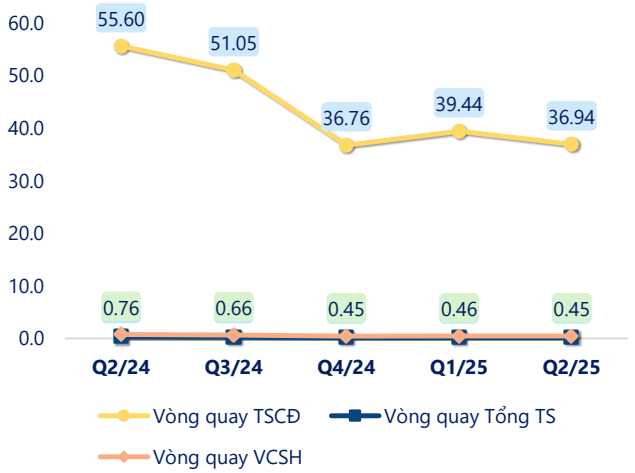

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



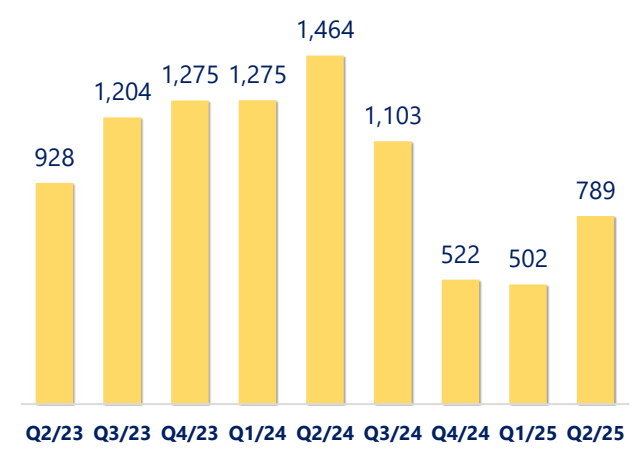

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## EPS

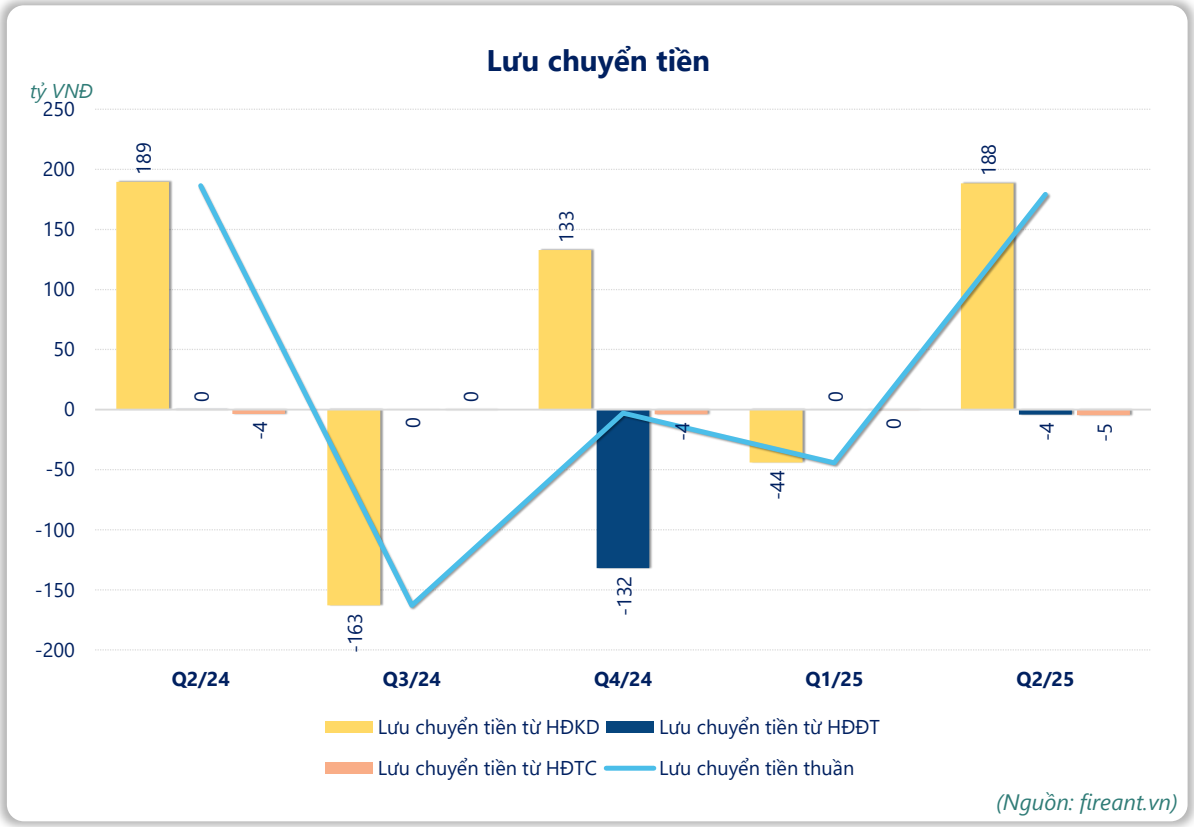



*(Nguồn: fireant.vn)*

# CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q2/25 | Q2/24 | Thay đổi YoY | 6T 2025 | 6T 2024 | Thay đổi YoY |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **308** | **289** | **6.4%** | **414** | **372** | **11.3%** |
| Giá vốn hàng bán | 192 | 203 | -5.4% | 280 | 259 | 8.1% |
| **Lợi nhuận gộp** | 116 | 86.5 | 33.6% | 134 | 113 | 18.6% |
| Doanh thu HĐTC | 0.32 | 0.37 | -14.8% | 0.38 | 0.68 | -44.4% |
| Chi phí TC | 0.16 | 0.31 | -49.4% | 0.26 | 0.65 | -59.6% |
| **Chi phí lãi vay** | 0.16 | 0.31 | -49.4% | 0.26 | 0.65 | -59.6% |
| LN trong công ty LKLD | **-0.04** | **-0.06** | **36.3%** | **0.03** | **0.03** | **12.4%** |
| Chi phí bán hàng | 14.6 | 9.56 | 53.0% | 16.5 | 14.2 | 16.2% |
| Chi phí QLDN | **9.53** | **8.40** | **13.5%** | **15.7** | **16.8** | **-6.0%** |
| **LN thuần từ HĐKD** | 91.5 | 68.5 | 33.6% | 102 | 82.4 | 24.1% |
| Lợi nhuận khác | **0.05** | **-17.9** | **100%** | **-1.92** | **-19.9** | **90.4%** |
| **LN trước thuế** | 91.6 | 50.6 | 81.0% | 100 | 62.5 | 60.4% |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **72.8** | **36.8** | **97.8%** | **79.3** | **45.9** | **72.6%** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **72.8** | **36.8** | **97.7%** | **79.3** | **45.9** | **72.7%** |

*(Nguồn: fireant.vn)*




*(Nguồn: fireant.vn)*